

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HSST
Ngày 28 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Đình Xiềng và bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2023/HSST ngày 13 - 6 - 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HS ngày 27 - 7 - 2023 đối với bị cáo: Đỗ Văn T, sinh ngày 02 tháng 11 năm 1998 tại tỉnh T; nơi cư trú: thôn 1, thị trấn I, huyện Ia, tỉnh G; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: học lớp 10/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Q và bà Đỗ Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Bà Lê Thị M; trú tại: 197/199 Nguyễn Chí T, phường T, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Ngô Đức L, sinh năm 2000; trú tại: thôn 1, thị trấn I, huyện Ia, tỉnh G. Có mặt.

* *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1992; trú tại: thôn 1, thị trấn I, huyện Ia, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn T là người có giấy phép lái xe hạng A1. Khoảng 19 giờ ngày 25/10/2022 Đỗ Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, biển kiểm soát 81B3 - 033.76 chở phía sau là Ngô Đức L đi từ thành phố Pleiku về huyện Ia Grai, tỉnh

Gia Lai. Khi đi đến đoạn đường tỉnh lộ 664 thuộc thôn 1, thị trấn I, huyện Ia thì T phát hiện phía trước có ổ gà (đường bị hư hỏng) nằm ở giữa đường, đồng thời cũng phát hiện có một xe mô tô bật đèn đang đi theo hướng ngược lại. T điều khiển xe mô tô về phía bên trái theo hướng đi của T để tránh ổ gà thì bánh trước xe mô tô do T điều khiển tông vào lốc máy xe mô tô nhãn hiệu DAELIM, biển kiểm soát 82S1-0149 do bà Lê Thị M điều khiển theo hướng ngược lại. Hậu quả làm bà Lê Thị M bị thương nặng đi cấp cứu tại Bệnh viện 211, Đỗ Văn T và anh Ngô Đức L bị thương bị thương nhẹ, 02 xe mô tô bị hư hỏng.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 443/22/TgT ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Gia Lai kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Lê Thị M do thương tích gây ra tại thời điểm giám định là 66%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 11/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ia Grai xác định: Giá trị thiệt hại của xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, biển kiểm soát 81B3 - 033.76 là 6.343.000đ; giá trị thiệt hại của xe mô tô nhãn hiệu DAELIM, biển kiểm soát 82S1-0149 là 2.391.000đ.

Tại biên bản xác định nồng độ cồn trong hơi thở của Đỗ Văn T vào lúc 19 giờ 12 phút ngày 25/10/2022 là 0,000mg/l; của bà Lê Thị M là 0,000mg/l.

Sau khi sự việc xảy ra, Đỗ Văn T đã bồi thường cho bà Minh số tiền 50.000.000đ.

Anh Ngô Đức L không có yêu cầu gì.

Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

*** Diễn biến tại phiên toà:**

Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như trên. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Bị hại cũng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản tiền thuốc và viện phí; tiền xe đưa đi cấp cứu, giám định, hiện trường; tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe; chi phí lắp chân giả; tiền thu nhập bị mất, tiền công người chăm sóc; tổn thất về tinh thần. Tổng cộng các khoản là 400.000.000đ. Bị cáo đã bồi thường 50.000.000đ, số tiền còn lại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp. Bị cáo cho rằng hiện tại không có khả năng bồi thường số tiền như bà M yêu cầu, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trình bày luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"; đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 14 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 đến 36 tháng. Buộc bị cáo phải bồi

thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại tổng số tiền từ 308.133.452đ đến 317.133.452đ; bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

[1]. Hoạt động của các cơ quan và người tiến hành tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường, các biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định cũng như nội dung cáo trạng đã mô tả. Nên đủ căn cứ để kết luận: bị cáo đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[3]. Xét bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe hạng A1 nhưng điều khiển xe tham gia giao thông đã vi phạm quy tắc giao thông, tránh xe đi ngược chiều không đúng quy định, vi phạm khoản 1 Điều 9 và điểm c khoản 2 Điều 17 Luật giao thông đường bộ gây thương tích 01 người với tỉ lệ tổn thương cơ thể là 66%. Hậu quả xảy ra là do lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại và được họ đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Xét bị cáo phạm tội do lỗi vô ý, đã bồi thường một phần thiệt hại do hành vi của mình gây ra và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, vì vậy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội là không cần thiết, nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại thì thấy rằng, bị cáo là người có lỗi trong việc gây ra thương tích cho bị hại nên phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ các khoản thiệt hại theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thì bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường các khoản sau đây:

[6.1]. Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại.

[6.1.1]. Chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và tiền thuê phương tiện đi về: Theo các hoá đơn, chứng từ hợp lệ do bị hại cung cấp được chấp nhận gồm: tiền thuốc, viện phí, tiền xe đưa đi cấp cứu và trở về, tổng cộng các khoản là 34.413.452đ.

[6.1.2]. Chi phí bồi dưỡng sức khỏe được xác định là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho 01 ngày khám bệnh theo số ngày trong hồ sơ bệnh án. Hồ sơ bệnh án thể hiện bị hại điều trị từ ngày 25/10/2022 đến ngày 07/11/2022 là 13 ngày. Theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ thì mức lương tối thiểu vùng áp dụng tại khu vực thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là 3.640.000đ. Do đó chi phí bồi dưỡng sức khỏe của bị hại được tính là $(3.640.000đ : 26 \text{ ngày}) \times 13 \text{ ngày} = 1.820.000đ$.

[6.1.3]. Chi phí cho việc phục hồi, hỗ trợ thay thế một phần chức năng của cơ thể bị mất của người bị thiệt hại: Bị hại bị thương tích phải tháo bỏ toàn bộ chân trái. Hiện tại bị hại đang còn phải tiếp tục điều trị theo chỉ định của cơ sở y tế mới lắp được chân giả nên đã cung cấp bảng báo giá lắp chân giả của Công ty TNHH ORTHOTECH Việt Nam. Theo bảng báo giá thì có nhiều mức giá khác nhau, thấp nhất là 98.100.000đ, cao nhất là 246.500.000đ. Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường theo mức giá cao nhất là 246.500.000đ. Tuy nhiên để đảm bảo sự công bằng, Hội đồng xét xử chấp nhận chi phí ở mức giá trung bình 155.800.000đ là phù hợp.

[6.2]. Về thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại. Bị hại cho rằng trước khi bị tai nạn, bị hại làm nghề buôn bán (bỏ hàng tạp hoá cho các cơ sở kinh doanh) giữa các huyện và thành phố Pleiku. Bị hại có thu nhập hàng tháng tương đối ổn định từ việc buôn bán. Xét thấy việc thu nhập thực tế bị mất và bị giảm sút của bị hại là có cơ sở, vì trước khi bị tai nạn bị hại có thu nhập, sau khi bị tai nạn phải tháo bỏ chân trái đến nay chưa được lắp chân giả nên chưa thể lao động bình thường được. Tuy nhiên về mức thu nhập để làm căn cứ bồi thường thì bị hại không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, cũng không xác định được thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì thu nhập thực tế bị mất của bị hại được bồi thường là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại nơi người bị thiệt hại cư trú là 140.000đ/ngày x thời gian bị thiệt hại (từ ngày 26/10/2022 đến ngày 28/8/2023) = 42.280.000đ.

[6.3]. Về thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị. Xét trong thời gian điều trị tại Bệnh viện 211, bị hại bị cắt bỏ toàn bộ chân trái nên cần có một người thường xuyên chăm sóc là hợp lý. Tuy nhiên bị hại cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc được xác định là $(3.640.000đ : 26 \text{ ngày}) \times 13 \text{ ngày} = 1.820.000đ$.

[6.4]. Theo quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự, thì ngoài các khoản bồi thường như đã phân tích ở trên, bị cáo còn phải có trách nhiệm bồi thường một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người bị hại phải gánh chịu. Xét gia đình bị hại chỉ có bị hại và con còn nhỏ (sinh năm 2010), nguồn sống của gia đình chủ yếu phụ thuộc vào thu nhập do lao động của bị hại. Sau khi tai nạn xảy ra, tổn thất tinh thần không những bị hại phải gánh chịu mà người thân cũng bị ảnh hưởng. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bị cáo phải bồi thường thêm một số tiền tương đương với 50 lần mức lương cơ sở để bù đắp tổn thất tinh thần cho bị hại là 90.000.000đ.

Tổng cộng các khoản bị cáo phải bồi thường là 326.133.452đ, hiện đã bồi thường 50.000.000đ, nay còn phải bồi thường tiếp là 276.133.452đ. Trường hợp sau này bị hại vẫn tiếp tục điều trị thì các chi phí phát sinh sau thời điểm Tòa án giải quyết sẽ được giải quyết trong vụ án khác nếu có yêu cầu của người bị thiệt hại.

[7]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và $276.133.452đ \times 5\% = 13.806.672đ$ án phí dân sự để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự; Điều 23 và 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 18 (*mười tám*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đỗ Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn I, huyện Ia, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử

thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đỗ Văn T phải bồi thường cho bà Lê Thị M số tiền 326.133.452đ, đã bồi thường được 50.000.000đ, nay còn phải bồi thường tiếp là 276.133.452đ (*hai trăm bảy mươi sáu triệu một trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 13.806.672đ (*mười ba triệu tám trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Công an huyện Ia Grai;
- Cơ quan THAHS CA huyện Ia Grai;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- UBND thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đặng Chí Công